

Bản án số: 34/2018/HS-ST
Ngày 31 - 10 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Văn Thân

Bà: Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Thào Mí H, sinh năm 1993 tại tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thào Mí S, sinh năm 1974 và bà Vàng Thị C (đã chết); vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt ngày 18/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, bị cáo có mặt.

2. Tẩn A B, sinh ngày 14 tháng 6 năm 1989 tại tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tẩn A S, sinh năm 1964 và bà Phan Thị N sinh năm 1966; có vợ: Lý Thị S, sinh năm 1987 và con: có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt ngày 18/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Tẩn A B: Ông Nguyễn Việt Hà, sinh năm 1960 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Tần A K, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang, có mặt.

2. Lý Thị S, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Mông: Bà Sùng Thị Cúc. Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hà Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 5/2018 Thào Mí H đi chơi tại xã Phó Bảng, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Tại đây H nhìn thấy khoảng hơn 10 người đang sử dụng ma túy đá, H tiến lại gần và hỏi một người đàn ông khoảng 35 tuổi “*Có biết ai bán ma túy heroin không?*”. Người đàn ông này nói có biết một người nghiện ma túy là Vàng Văn H1 và cho H số điện thoại để liên hệ (01687729081). H gọi vào số máy vừa xin được, H1 nghe, H hỏi “*anh có cái trắng không?*” H1 trả lời “*anh đang nghiện anh còn một ít*” H1 chỉ đường cho H và nói gần đến nhà thì gọi, khi đến xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang, H gọi điện cho H1 ra đón, khi đến nhà H1, H thấy có Tần A B đang ở trong nhà H1. H hỏi H1 mua ma túy, H1 không bán mà cho H một ít ma túy Heroin để sử dụng, H sử dụng hết số ma túy của H1 cho. Sau đó H có xin số điện thoại của B lưu là số “0”, số của H1 lưu là “123” rồi H đi về nhà tại Thôn T, xã T1, huyện V. Sau đó H tiếp tục sang Trung Quốc đi làm thuê. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18/6/2018, H1 gọi điện cho B nói “*em lên nhà anh ăn tết sâu bọ*”. B đồng ý và một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE, màu đen, biển kiểm soát 23M1-13675 đến nhà H1. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày H1 và B đang cùng nhau sử dụng ma túy tại bàn uống nước thì H gọi điện thoại cho H1 hỏi mua ma túy, H1 đồng ý và hẹn H đến nhà. Khoảng 14 giờ cùng ngày H đến nhà H1 cả hai đi thẳng xuống bếp, đóng cửa lại. Tại đây H đưa cho H1 số tiền 900 NDT (*chín trăm nghìn đồng*) để mua ma túy, H1 cầm tiền rồi đưa cho H một gói ma túy được gói bằng túi nilon màu xanh H cầm cho vào túi quần phía sau. Sau đó H1 lấy ra một ít ma túy cùng H sử dụng, một lúc sau B từ phòng khách đi xuống bếp thấy cửa đóng thì gọi H1 ra mở cửa, khi B vào trong bếp thấy có một ít ma túy (Heroin) H1 sử dụng dở còn trên giấy bạc B xin H1 sử dụng, khi sử dụng xong B điều khiển xe mô tô đến nhà Nguyễn Văn Q ở Thôn B, xã H, huyện Y, tỉnh Hà Giang chơi. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày H đi bộ ra trung tâm huyện Y để đi về nhà thì gặp B đang điều khiển xe mô tô xuống thành phố H, tỉnh Hà Giang. H xin đi nhờ, B đồng ý rồi điều khiển xe mô tô chở H ngồi phía sau, khi đến địa phận xã Lao và Chải thuộc huyện Y, B và H dừng xe vào một nhà hoang gần đường, tại đây B lấy số ma túy đã mua ngày 16/6/2018 tại chợ Mốc 9 thuộc xã B, huyện Y của một người đàn ông Trung Quốc (*hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch cụ thể*) với số tiền là 1.000 NDT (cất dấu trong ngăn phụ ba lô màu đen) ra để cùng nhau sử dụng. Sử dụng xong cả hai tiếp tục đi về hướng thành phố H, tỉnh Hà Giang, khi đến khu vực km 18 QL 4C đường Hà Giang – Đồng Văn, B điều khiển xe rẽ vào đường đất rồi dừng xe, tại đây H lấy ma túy của H (để ở túi quần sau bên phải) ra rồi cả hai cùng sử dụng. Sau đó B tiếp tục điều khiển xe chở H đi đến thành phố H, khi đến địa phận tổ 09 phường Q, thành phố

H thì bị lực lượng Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang phát hiện, bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và thu giữ toàn bộ vật chứng có liên quan.

Ngày 18/6/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiến hành mở niêm phong và cân tịnh khối lượng, lấy mẫu giám định:

- Tổng khối lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Thào Mí H là 0,90g (*không thấy chín mươi gam*; Tổng khối lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Tần A B là: 0,61g (*không thấy sáu mươi một gam*).

Tại bản Kết luận giám định số 220/KL-PC54 ngày 25/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang đã kết luận: Chất bột màu trắng gửi giám định ký hiệu M1, M2 là chất ma túy, loại ma túy Heroine. Heroine nằm trong Danh mục I, STT: 9, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKS-TPHG ngày 01/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố các bị cáo Thào Mí H và Tần A B về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Thào Mí H; Tần A B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, cũng như vật chứng thu giữ được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Thào Mí H; Tần A B về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Các bị cáo Thào Mí H; Tần A B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Thào Mí H từ 24 tháng đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Xử phạt bị cáo Tần A B từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị xử lý theo quy định đối với những vật chứng có liên quan đến vụ án:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: “Tang vật thu giữ ở ba lô của Tần A B, ký hiệu từ A1”, mặt sau có chữ ký xác nhận của các thành phần tham gia và có dấu của Cơ quan CSĐT Công an thành phố H; 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: “Tang vật thu giữ khi bắt quả tang Thào Mí H, ký hiệu từ A2”, mặt sau có chữ ký xác nhận của các

thành phần tham gia và có dấu của Cơ quan CSĐT Công an thành phố H; 01 (một) ba lô màu đen, đằng trước có chữ SAMJJO, đã qua sử dụng (là công cụ, phương tiện bị cáo B sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội).

Đề nghị Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01(một) điện thoại di động, bàn phím trần, vỏ màu đen, đã qua sử dụng (là công cụ, phương tiện bị cáo H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội)

Đề nghị trả lại những tài sản sau:

- Trả lại cho bị cáo Thào Mí H: 01 (một) ví giả da màu đen (đã qua sử dụng); 114.000đ (một trăm mười bốn nghìn đồng) tiền Việt Nam và 11.000 NDT (mười nghìn nhân dân tệ) tiền Trung Quốc.

- Trả lại cho bị cáo Tần A B: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen (đã qua sử dụng); 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam và 1.500 NDT (một nghìn năm trăm nhân dân tệ) tiền Trung Quốc; 01 (một) ví giả da màu nâu (đã qua sử dụng); 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank số: 9704 3666 1333 1696019 mang tên Tần A B; 01 (một) đăng ký xe mô tô số 007975 mang tên Tần A B (bản photo).

- Trả lại cho người có QLNVLQ: Tần A K 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) tiền Việt Nam.

- Trả lại cho người có QLNVLQ: Lý Thị S 480 NDT (tiền Trung Quốc) và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE, màu đen, biển kiểm soát 23M1- 3675.

- Án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Tần A B đồng thuận với quan điểm của Đại diện VKS tham gia phiên tòa về tội danh, Điều luật áp dụng và đề nghị HĐXX xem xét các điều kiện để giảm nhẹ mức hình phạt đối với bị cáo B. Đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo B từ 12 đến 18 tháng tù.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến:

- Tần A K: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho anh số tiền 23.000.000,đ (Hai mươi ba triệu đồng) đã bị cơ quan điều tra thu giữ để anh trả nợ và xem xét các điều kiện giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B để bị cáo sớm được trở về với gia đình nuôi dạy con cái.

- Lý Thị S: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị số tiền 480 NDT (Bốn trăm tám mươi nhân dân tệ tiền Trung Quốc) và chiếc xe máy đã bị cơ quan điều tra thu giữ.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án:

- Bị cáo Thào Mí H: Bị cáo nhận thấy việc làm của bị cáo đã vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải mong được hưởng khoan hồng của pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo.

- Bị cáo Tần A B: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, bị cáo bị xử lý là thỏa đáng. Bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật để sớm được trở về gia đình, làm người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của thành phố H trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của Thào Mí H và Tần A B tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra (BL 85 đến BL 144), phù hợp với các tài liệu như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Công an thành phố H (BL 01- 02); Biên bản cân tịnh khối lượng (BL 64); Kết luận giám định số 220/KL-PC54 ngày 25/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang (BL 66), cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 18 tháng 6 năm 2018 bị cáo Thào Mí H đã có hành vi cất giữ trái phép 0,90 gam Heroine; bị cáo Tần A B đã có hành vi cất giữ trái phép 0,61 gam Heroine, với mục đích để sử dụng cho bản thân nên đã phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự, có nội dung quy định như sau:

1. *“Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a) ...

c) *Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”.....*

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ.....*

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo Thào Mí H; Tần A B về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ Luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, mặt khác góp phần làm gia tăng tệ nạn sử dụng ma túy và các tội phạm khác ở địa phương, gây mất an ninh trật tự, gây xôn xao dư luận, khiến quần chúng nhân dân bất bình lên án, các bị cáo phạm tội là nghiêm trọng, do đó cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời

gian nhất định mới có đủ điều kiện để cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành những công dân lương thiện có ích cho xã hội.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội độc lập, không có sự bàn bạc thống nhất và cũng không nói cho nhau về hành vi của mình. Do vậy, các bị cáo phải tự chịu trách nhiệm độc lập, tương xứng với hành vi phạm tội của mình là phù hợp.

Đối với người đàn ông Trung Quốc là người đã bán số ma túy (*heroine*) cho Tẩn A B tại chợ mố 9 thuộc xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang ngày 16/8/2018. Bản thân B không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, quá trình điều tra Công an thành phố H không xác định được nhân thân nên không có căn cứ để xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Vàng Văn H1 là người đã bán ma túy (*heroine*) cho Thào Mí H ngày 18/6/2018. Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã tiến hành xác minh theo quy định, nhưng hiện nay đối tượng H1 không có mặt tại địa phương nơi cư trú, không rõ đi đâu, làm gì. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo Thào Mí H; Tẩn A B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay cả hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, ngoài ra bị cáo Tẩn A B là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Thào Mí H, Tẩn A B đều không nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, bản thân các bị cáo là người nghiện ma túy nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 BLHS.

Ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy các bị cáo còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, căn cứ khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, ngày 03/9/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, B hình thức phạt cảnh cáo đối với Thào Mí H; Tẩn A B về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 (*một*) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: "*Tang vật thu giữ ở ba lô của Tẩn A B, ký hiệu từ A1*", mặt sau có chữ ký xác nhận của các thành phần tham gia và có dấu của Cơ quan CSĐT Công an thành phố H; 01 (*một*) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: "*Tang vật thu giữ khi bắt quả tang Thào Mí H, ký hiệu từ A2*", mặt sau có chữ ký xác nhận của các thành phần tham gia và có dấu của Cơ quan CSĐT Công an thành phố H, là chất Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 (*một*) ba lô màu đen,

đăng trước có chữ SAMJJO, đã qua sử dụng (*là công cụ, phương tiện bị cáo B sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội*), cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01(một) điện thoại di động, bàn phím trần, vỏ màu đen, đã qua sử dụng (*là công cụ, phương tiện bị cáo H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội*). Do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 114.000đ (*một trăm mười bốn nghìn đồng*) tiền Việt Nam và 11.000 NDT (*mười một nghìn nhân dân tệ*) tiền Trung Quốc thu giữ trên người của Thào Mí H, xác định đây là tiền bị cáo H đi lao động làm thuê mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo H.

Đối với 01 (*một*) ví giả da màu nâu (*đã qua sử dụng*); 01 (*một*) thẻ ngân hàng Vietcombank số: 9704 3666 1333 1696019 mang tên Tần A B; 01 (*một*) đăng ký xe mô tô số 007975 mang tên Tần A B (*bản phô tô*), xác định đây là vật không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo B.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE, màu đen, biển kiểm soát 23M1 - 13675, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định được chiếc xe máy do Tần A B và vợ là Lý Thị S mua trả góp tại cửa hàng đại lý xe máy Đức Hải, huyện Y từ tháng 3 năm 2018. Xét thấy đây là tài sản chung của bị cáo B và vợ là Lý Thị S, cần trả lại cho bị cáo và giao cho chị Lý Thị S quản lý, sử dụng.

Đối với số tiền 23.900.000đ (*hai mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng*) tiền Việt Nam và 1.980 NDT (*một nghìn chín trăm tám mươi nhân dân tệ*) tiền Trung Quốc thu giữ trên người Tần A B. Quá trình điều tra xác định được:

- Số tiền 900.000,đ (*Chín trăm nghìn đồng*) và 1.500NDT (*Một nghìn năm trăm nhân dân tệ*) là tiền do bị cáo Tần A B đi lao động làm thuê mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo;

- Số tiền 480 NDT (*Bốn trăm tám mươi nhân dân tệ*) là tiền của chị Lý Thị S (*vợ của bị cáo B nhờ bị cáo về thành phố H để đổi ra tiền Việt Nam*) (BL147-148), vì vậy cần trả lại cho chị Lý Thị S;

- Số tiền 23.000.000,đ (*Hai mươi ba triệu đồng*), xác định là tiền của anh Tần A K (*là em ruột của bị cáo B*) đã đưa cho B để nhờ trả nợ hộ cho anh Vương Văn D (BL 154-155), vì vậy cần trả lại cho anh Tần A K là phù hợp.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, khoản 1 Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, **Điều 47** của Bộ luật hình sự; **Điều 106**; khoản 1, khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của

UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Thào Mí H, Tần A B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Thào Mí H 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 18/6/2018); Xử phạt bị cáo Tần A B 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 18/6/2018).

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: "Tang vật thu giữ ở ba lô của Tần A B, ký hiệu từ A1", mặt sau có chữ ký xác nhận của các thành phần tham gia và có dấu của Cơ quan CSĐT Công an thành phố H; 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: "Tang vật thu giữ khi bắt quả tang Thào Mí H, ký hiệu từ A2", mặt sau có chữ ký xác nhận của các thành phần tham gia và có dấu của Cơ quan CSĐT Công an thành phố H; 01 (một) ba lô màu đen, đằng trước có chữ SAMJJO (đã qua sử dụng).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động, bàn phím trần, vỏ màu đen (đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Thào Mí H: 01 (một) ví giả da màu đen (đã qua sử dụng); 114.000đ (một trăm mười bốn nghìn đồng) và 11.000 NDT (mười một nghìn nhân dân tệ).

Trả lại cho bị cáo Tần A B: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen (đã qua sử dụng); 01 (một) ví giả da màu nâu (đã qua sử dụng); 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank số 9704 3666 1333 1696019; 01 (một) đăng ký xe mô tô số 007975 (bản photo); số tiền 900.000,đ (Chín trăm nghìn đồng) và 1.500NDT (Một nghìn năm trăm nhân dân tệ).

Trả lại cho chị Lý Thị S số tiền 480NDT (Bốn trăm tám mươi nhân dân tệ) và 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE, màu đen, biển kiểm soát 23M1 - 13675.

Trả lại cho anh Tần A K số tiền 23.000.000,đ (Hai mươi ba triệu đồng).

Tình trạng tài sản, vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H ngày 26 tháng 10 năm 2018.

4. Về án phí: Các bị cáo Thào Mí H và Tần A B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND thành phố H;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an thành phố H (02 bản);
- Trại tạm giữ CATP;
- Người bào chữa;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS TP;
- Sở Tư pháp tỉnh HG;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Mỹ Lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND thành phố H;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an thành phố H (02 bản);
- Trại tạm giữ CATP;
- Người bào chữa;
- Cơ quan THAHS;
- Chi cục THADS TP;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Sở Tư pháp tỉnh HG;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

Vũ Mỹ Lệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mỹ Lệ